

CHÍNH PHỦ
Số: 88/2005/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2005

NGHỊ ĐỊNH

Về một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

NGHỊ ĐỊNH :

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác xã về: thành lập; bồi dưỡng, đào tạo; đất đai; tài chính; tín dụng; xúc tiến thương mại; ứng dụng công nghệ; đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất của hợp tác xã, đời sống của cộng đồng xã viên và tham gia các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã) đăng ký hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 1996 và đăng ký bổ sung Điều lệ, thực hiện theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2003.
- Hợp tác xã thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã năm 2003.

Chương II

NỘI DUNG CHÍNH SÁCH

Điều 3. Hỗ trợ, khuyến khích thành lập hợp tác xã

1. Hợp tác xã chuẩn bị thành lập, sáng lập viên được hỗ trợ:

a) Thông tin, tư vấn kiến thức về hợp tác xã;

b) Dịch vụ tư vấn xây dựng Điều lệ hợp tác xã, hoàn thiện các thủ tục để thành lập, đăng ký kinh doanh và tổ chức hoạt động của hợp tác xã.

2. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) xem xét, quyết định việc hỗ trợ trên cơ sở đơn đề nghị của các sáng lập viên và xác nhận của ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) nơi hợp tác xã chuẩn bị thành lập.

Điều 4. Bồi dưỡng, đào tạo

1. Đối tượng đào tạo, bồi dưỡng trong hợp tác xã được quy định như sau:

a) Các chức danh trong Ban Quản trị, Ban Chủ nhiệm, Ban Kiểm soát, kế toán trưởng;

b) Xã viên đang làm công việc chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của hợp tác xã.

2. Các chức danh hợp tác xã theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này khi tham gia bồi dưỡng được hỗ trợ như sau:

a) Hỗ trợ tiền vé đi, vé về bằng phương tiện giao thông công cộng (trừ máy bay) từ trụ sở hợp tác xã đến cơ sở đào tạo;

b) Kinh phí mua tài liệu của chương trình khóa học;

c) Các khoản chi phí tổ chức, quản lý lớp học; thuê hội trường; thù lao giảng viên; tham quan, khảo sát.

3. Đối với các chức danh hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, nghề muối (sau đây gọi chung là hợp tác xã nông nghiệp) quy định tại điểm a khoản 1 Điều này ngoài được hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều này còn được hỗ trợ 50% chi phí ăn, ở theo mức quy định của cơ sở đào tạo.

4. Các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này khi được hợp tác xã cử đi đào tạo (chính quy hoặc tại chức) tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, trường dạy nghề được hỗ trợ tối thiểu 50% tiền học phí theo quy định của trường, đồng thời phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Tuổi không quá 40;

- b) Đủ điều kiện tuyển sinh của cơ sở đào tạo;
 - c) Có quyết định cử đi học của Ban Quản trị;
 - d) Cam kết bằng văn bản làm việc cho hợp tác xã ít nhất 05 năm sau khi tốt nghiệp.
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định mức hỗ trợ cụ thể cho các đối tượng này.

5. Nguồn kinh phí hỗ trợ các nội dung quy định tại khoản 1 Điều 3; khoản 2, 3 và 4 Điều 4 Nghị định này lấy từ ngân sách hàng năm của địa phương, hỗ trợ từ ngân sách trung ương và các nguồn hợp pháp khác.

Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về mức hỗ trợ, cơ chế tài chính hỗ trợ các sáng lập viên hợp tác xã chuẩn bị thành lập, các đối tượng đào tạo, bồi dưỡng của hợp tác xã.

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp nhu cầu, kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo các đối tượng hợp tác xã trong cả nước và bố trí nguồn kinh phí thuộc ngân sách nhà nước hàng năm cho các Bộ, ngành, ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thực hiện kế hoạch.

Điều 5. Đất đai

1. Đối với hợp tác xã nông nghiệp quy định như sau:

a) Hợp tác xã có nhu cầu sử dụng đất để xây dựng trụ sở, nhà kho, sân phơi, cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ xã viên sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối nhưng chưa được giao đất thì làm thủ tục xin giao đất. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất của địa phương xem xét, quyết định việc giao đất không thu tiền sử dụng đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hợp tác xã;

b) Hợp tác xã đang sử dụng đất vào các mục đích xây dựng trụ sở, nhà kho, sân phơi, cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

c) Ngoài diện tích đất giao không thu tiền sử dụng đất, hợp tác xã nông nghiệp được giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc thuê đất trả tiền hàng năm theo quy định của pháp luật đất đai và được hưởng chính sách ưu đãi về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của Chính phủ;

d) Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã thuê lại đất, sử dụng hợp pháp đất của tổ chức, cá nhân để phát triển sản xuất kinh doanh.

2. Đối với hợp tác xã phi nông nghiệp quy định như sau:

a) Hợp tác xã được lựa chọn hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định của pháp luật đất đai;

b) Diện tích đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm của hợp tác xã phục vụ xây dựng cơ sở sản xuất, kinh doanh và làm dịch vụ trực tiếp cho xã viên được xác định theo dự án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng và pháp luật về đất đai;

c) Trường hợp đất do hợp tác xã đang sử dụng mà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 53 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.

Điều 6. Về thuế

1. Hợp tác xã được ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập từ các hoạt động dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh của xã viên theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Đối với các hợp tác xã nông nghiệp ngoài được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản 1 Điều này còn được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập tạo ra từ hoạt động dịch vụ trực tiếp phục vụ đời sống xã viên.

Điều 7. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã

1. Thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Luật Hợp tác xã năm 2003.

2. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, các Bộ, ngành liên quan, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam xây dựng đề án thành lập Quỹ hỗ trợ phát triển